

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày 24 – 01 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/HSST-QĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình S, sinh ngày 06/8/1995 tại tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình M (đã chết) và bà Bùi Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyền Quang. *Có mặt.*

2. Vũ Tuấn T, sinh ngày 22/7/1992 tại tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Xóm 4, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Tuấn X và bà Phạm Thị H; có vợ là Bùi Thị T và có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyền Quang. *Có mặt.*

- Bị hại:

1. Anh **Trần Minh N**, sinh năm 2004; trú tại: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. *Có mặt*;
 2. Anh **Đặng Quốc V**, sinh năm 1987, trú tại: Thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 3. Anh **Trần Duy T2**, sinh năm 2002; trú tại: Thôn G, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 4. Anh **Lò Văn D**, sinh năm 2002; trú tại: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 5. Chị **Đinh Thị O**, sinh năm 1999; trú tại: Thôn B, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt) ;
 6. Chị **Hà Thị N2**, sinh năm 1982; trú tại: Bản L, xã M, huyện P, tỉnh S La. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt) ;
 7. Cháu **Vương Gia H**, sinh năm 2007; Người đại diện theo pháp luật: Anh **Vương Thế V**, sinh năm 1998, cùng trú tại: Tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt) ;
 8. Anh **Hoàng Văn M**, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 9. Chị **Lò Den S2**, sinh năm 1996; trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 10. Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 2004; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. *Có mặt*;
 11. Anh **Bùi Văn S3**, sinh năm 1990; trú tại: Xóm S, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình. *Vắng mặt*;
 12. Anh **Cao Văn A**, sinh năm 2005; trú tại: Đội 7, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt) ;
 13. Anh **Đào Quốc V2**, sinh năm 1987; trú tại: Thôn 7, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt*;
 14. Anh **Đinh Văn N3**, sinh năm 2003; trú tại: Xóm K, xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 15. Cháu **Lù Đức L**, sinh năm 2007; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lù Văn T**, cùng trú tại: Thôn K, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Đều vắng mặt*;
 16. Anh **Nguyễn Thành T4**, sinh năm 1996; trú tại: Thôn S, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt) ;
 17. Anh **Hoàng S B**, sinh năm 1998; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt);
 18. Anh **Ma Văn S**, sinh năm 1989; trú tại: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt) ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Đình M2**; sinh năm 1977; nơi cư trú: Đội 3, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. *Có mặt*.

- **Người làm chứng:** Cháu **Nguyễn Thị TM**, sinh năm 2007; Người đại diện theo pháp luật: Chị **Lâm Kiều O**, sinh năm 2004, cùng trú tại: Xóm 4, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt* (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến ngày 22/5/2023, bị cáo **Nguyễn Đình S** và bị cáo **Vũ Tuấn T** đã nảy sinh ý định Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách đăng thông tin giả rao bán xe mô tô đã qua sử dụng trên mạng xã hội (xe không có thật) để nhằm chiếm đoạt tiền mua xe, tiền đặt cọc mua xe của những người có nhu cầu mua xe mô tô. Để thực hiện hành vi lừa đảo, các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động số máy 0974.532.723 của bị cáo S đăng ký 01 tài khoản Facebook lấy tên là “Vũ Tuấn”, rồi thay nhau đăng tải các bài viết rao bán xe mô tô giả để lừa đảo; quá trình sử dụng các bị cáo thường xuyên đổi tên tài khoản thành “Cà Văn Tuấn”, “Phạm Tuấn”, “Tuấn Xe”, “Xe Tuấn”... Ngoài ra, bị cáo S còn sử dụng số máy 0936.554.591 và các tài khoản Zalo “Son Smile” đăng ký bằng số máy 0338.626.134; “Son Vinh” đăng ký bằng số máy 0966.952.733; còn bị cáo T sử dụng điện thoại di động số máy 0974.532.723 và tài khoản Zalo “C hùng xtai” đăng ký bằng điện thoại số máy 0962.025.255 để gọi điện, nhắn tin, gửi video yêu cầu những người mua xe chuyển tiền vào các tài khoản của bị cáo S số 863388366666 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank); số 12686928888 mở tại Ngân hàng TMCP Tiền Phong (TPBank); số 1016144839 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) và các tài khoản ngân hàng trong ứng dụng trò chơi điện tử trên mạng Internet để chiếm đoạt tiền của những người mua xe. Các bị cáo thỏa thuận nếu ai tự lừa đảo được tiền thì sẽ một mình hưởng, còn nếu cùng nhau lừa đảo thì chia đôi số tiền chiếm đoạt.

Sau khi đăng bài viết rao bán xe mô tô, nếu có người vào xem bài và hỏi mua xe thì bị cáo S hoặc T sẽ tải các video trên mạng Internet giới thiệu, rao bán chiếc xe tương tự, rồi gửi cho người muốn mua xe; khi có người đồng ý mua xe, bị cáo S yêu cầu họ phải chuyển tiền đặt cọc hoặc trả trước tiền mua xe vào tài khoản do bị cáo S hoặc bị cáo T cung cấp. Nhằm tạo lòng tin để nhanh chóng chiếm đoạt được tiền của người mua xe, các bị cáo còn lấy các video trên mạng Internet về chỉnh sửa hình ảnh, lồng ghép âm thanh giống với việc đang vận chuyển xe mô tô đến giao cho người mua; đồng thời thường xuyên gửi tin nhắn văn bản, tin nhắn thoại cho người mua và thay nhau giả là người lái xe tải gọi điện nói đang trên đường vận chuyển xe mô tô đến giao để người mua tin tưởng, đồng thời thúc giục họ chuyển tiền đặt cọc hoặc chuyển trả trước tiền mua xe. Sau khi người mua chuyển tiền như yêu cầu, thì các bị cáo sẽ lấy nhiều lý do như lỗi ở ngân hàng nên chưa nhận được tiền, nội dung chuyển tiền ghi không đúng... Đến khi thấy không thể yêu cầu người mua xe chuyển thêm tiền thì các bị cáo sẽ chặn toàn bộ liên lạc với người mua xe (Zalo, Facebook, điện thoại).

Với phương thức, thủ đoạn và thời gian trên, bị cáo S và bị cáo T đã thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô cho 18 người ở tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố khác để chiếm đoạt tiền mua xe, tiền đặt cọc mua xe (bị cáo S và bị cáo T cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo 09 người; bị cáo S một mình thực hiện hành vi lừa đảo 08 người; bị cáo T một mình thực hiện hành vi lừa đảo 01 người). Cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo của bị cáo Nguyễn Đình S và bị cáo Vũ Tuấn T

Từ ngày 04/01/2023 đến ngày 22/5/2023, bị cáo Nguyễn Đình S và bị cáo Vũ Tuấn T cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô đã qua sử dụng (xe không có thật) cho 09 người ở tỉnh Tuyên Quang và một số tỉnh, thành phố khác, chiếm đoạt tổng số tiền là 53.050.000 đồng (bị cáo S hưởng lợi 36.500.000 đồng, bị cáo T hưởng lợi 16.550.000 đồng):

- **Lần 1:** Từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/02/2023, bị cáo Nguyễn Đình S sử dụng tài khoản Facebook “Vũ Tuấn” lấy tên là “Lò Văn Tuấn” tải và đăng các bài viết rao bán xe mô tô đã qua sử dụng trên các trang mạng xã hội, trong đó có bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (xe không có thật). Do đang có nhu cầu mua xe mô tô, ông Trần Minh N (trú tại xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) đã vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, mua chiếc xe mô tô mà S đăng bán trên với giá thỏa thuận là 7.050.000 đồng; S phải vận chuyển, giao chiếc xe mô tô trên đến nhà ông Nghiêm.

Để tạo niềm tin và nhanh chiếm đoạt được tiền mua xe của ông N, S đã rủ bị cáo Vũ Tuấn T cùng tham gia; T biết rõ việc S đang lừa rao bán xe mô tô trên mạng xã hội để chiếm đoạt tiền của người khác nhưng vẫn đồng ý tham gia để được hưởng lợi. Nhiệm vụ của T là giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo cho ông N là đang trên đường vận chuyển chiếc xe mô tô Honda Wave đến giao cho ông N, mục đích là để ông N tin tưởng tiếp tục chuyển tiền mua xe cho S. Do tin tưởng việc bán và vận chuyển giao xe của S và T là thật, ông N đã sử dụng tài khoản của mình số 077626052004 mở tại MBBank 09 lần chuyển tổng số tiền 7.050.000 đồng vào các tài khoản ngân hàng theo yêu cầu của S để mua xe: 04 lần chuyển số tiền 1.050.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của S mở tại MBBank (lần 01 chuyển 200.000 đồng, lần 02 chuyển 500.000 đồng, lần 03 chuyển 300.000 đồng và lần 04 chuyển 50.000 đồng); 01 lần chuyển số tiền 500.000 đồng vào tài số 1016144839 của S mở tại Vietcombank; 01 lần chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản do S cung cấp số 1025468831 mang tên NGUYEN DINH LAM mở tại Vietcombank (chưa xác định được người quản lý, sử dụng tài khoản này); 01 lần chuyển 1.000.000 đồng vào tài khoản do S cung cấp số 19039205921014 mang tên NGUYEN YEN LOAN mở tại Vietcombank (chưa xác định được người quản lý, sử dụng tài khoản này); 02 lần chuyển số tiền là 3.000.000 đồng vào tài khoản do S cung cấp số 106876778242 mang tên TA VO TRUC LAM mở tại VietinBank, trong đó lần 01 chuyển 1.000.000, lần 02 chuyển 2.000.000 đồng (chưa xác định được người quản lý, sử dụng tài khoản này).

Ngay sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với ông N, sau đó S chia cho T 850.000 đồng, S hưởng 6.200.000 đồng, trong đó

có 5.500.000 đồng S yêu cầu ông N chuyển vào các tài khoản ngân hàng mang tên NGUYEN DINH LAM, NGUYEN YEN LOAN, TA VO TRUC LAM, S đã sử dụng để nạp tiền chơi điện tử trực tuyến trên trang mạng 33win00.com.

- **Lần 2:** Ngày 04/01/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook “Xe Tuấn” tải và đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream (xe không có thật). Do đang có nhu cầu mua xe, ông Đặng Quốc V (trú tại thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá thỏa thuận là 9.000.000 đồng. Sau đó, S bảo bị cáo T giả làm người lái xe tải, gọi điện cho ông V là đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho ông V. Do tin tưởng và theo yêu cầu của S, ông Vương đã sử dụng tài khoản của mình số 0985917288 mở tại MBBank chuyển 1.000.000 đồng vào tài số 863388366666 của S để đặt cọc mua xe. Sau khi chiếm đoạt được số tiền này, S và T đã chặn mọi liên lạc với ông V, rồi chia nhau mỗi người hưởng 500.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết.

- **Lần 3:** Từ ngày 04 đến 05/01/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook “Vũ Tuấn” tải và đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH (xe không có thật). Sau đó, ông Trần Duy T2 (trú tại thôn G, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên (không nhớ số tiền thỏa thuận mua xe là bao nhiêu). Bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo là đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho ông Trần Duy T2. Do tin tưởng và theo yêu cầu của S, ông Trần Duy T2 đã sử dụng tài khoản của mình số 0344958798 mở tại MBBank 02 lần chuyển tổng số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 863388366666 của S đặt cọc mua xe (lần 01 chuyển 500.000 đồng, lần 02 chuyển 1.500.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt được số tiền này, các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với ông Trần Duy T2, rồi chia nhau mỗi người hưởng 1.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

- **Lần 4:** Ngày 07/4/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook của mình (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 (xe không có thật). Sau đó, anh Lò Văn D (trú tại Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá 20.000.000 đồng. Đồng thời, bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho anh D. Do tin tưởng và theo yêu cầu của S, anh D đã sử dụng tài khoản của mình số 0867181788 mở tại MBBank 02 lần chuyển tổng số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của S đặt cọc mua xe (lần 01 chuyển 500.000 đồng, lần 02 chuyển 1.000.000 đồng). S đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Ngoài ra, bị cáo T còn gọi điện yêu cầu anh D chuyển 1.500.000 đồng (trừ vào tiền mua xe) vào một tài khoản ngân hàng do T cung cấp (không nhớ số tài khoản); anh D đã sử dụng tài khoản trên của mình chuyển tiếp số tiền theo yêu cầu của T. Sau đó, T đã dùng số tiền này chơi điện tử trên mạng Internet hết. Ngay sau khi chiếm đoạt được 3.000.000 đồng trên, các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh D.

- **Lần 5:** Ngày 05 và 06/5/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook tên “Phạm Tuấn” đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (xe không có thật). Sau đó, chị Đinh Thị O (trú tại thôn B, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá 10.000.000 đồng; bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho chị O. Do tin tưởng và theo yêu cầu của S, chị O đã sử dụng tài khoản của mình số 0977787957 mở tại MBBank 03 lần chuyển tổng số tiền là 4.000.000 đồng vào tài khoản số 8633.883.6666 của S để đặt cọc mua xe. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với chị O. S chia cho T 1.500.000 đồng, S hưởng 2.500.000 đồng và chi tiêu hết cá nhân hết (*hành vi lừa đảo trên của S và T đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai khởi tố và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang điều tra*).

- **Lần 6:** Ngày 10 và 11/5/2023, bị cáo S dùng tài khoản Facebook của mình (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha (xe không có thật). Sau đó, bà Hà Thị N2 (trú tại Bản L, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá 8.000.000 đồng; bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho bà N2. Do tin tưởng và theo yêu cầu của S, bà N2 đã sử dụng tài khoản của mình số 7909215004208 mở tại Agribank 02 lần chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của S để đặt cọc mua xe và làm thủ tục sang tên (lần 01 chuyển 1.000.000 đồng, lần 02 chuyển 4.000.000 đồng).

Khi đã chiếm đoạt được số tiền trên, bị cáo S có ý định tiếp tục lừa chiếm đoạt thêm tiền của bà N2. S nói dối với bà N2 là việc chuyển tiền nhiều lần khó viết hóa đơn bán xe, để thuận tiện S sẽ chuyển lại cho bà N2 5.000.000 đồng trên, rồi bà N2 thực hiện một lần chuyển lại số tiền này vào tài khoản cho S, vì tin tưởng nên bà N2 đã đồng ý. Sau đó, S vào mạng lấy mẫu giấy chuyển tiền của ngân hàng, chỉnh sửa nội dung là chuyển trả bà N2 5.000.000 đồng và chụp ảnh giấy chuyển tiền gửi cho bà N2 (thực tế S không chuyển số tiền này cho bà N2). Khi nhận được hình ảnh giấy chuyển tiền do S gửi, bà N2 tưởng là thật nên tiếp tục sử dụng tài khoản trên của mình chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của S. Tổng cộng bị cáo S và bị cáo T đã lừa chiếm đoạt của bà N2 10.000.000 đồng; sau đó các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với bà N2, rồi chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

- **Lần 7:** Ngày 11/5/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook “Phạm Tuấn” đăng bài viết rao bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (xe không có thật). Sau đó, có anh Vương Gia H (trú tại tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá 12.000.000 đồng; bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho anh H. Theo yêu cầu của S, anh H đã nhờ bạn mình là chị Nguyễn Thị TM chuyển tiền mua xe cho S; chị TM

đã sử dụng tài khoản của mình số 0862.7071.12007 mở tại MBBank 03 lần chuyển tổng số tiền là 11.500.000 đồng vào tài khoản số 8633.883.6666 của S (thiếu 500.000 đồng so với thỏa thuận). Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh H và chị TM. S chia cho T 5.200.000 đồng, S hưởng 6.300.000 đồng.

Quá trình S và T thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô cho anh H, S có nhờ bạn gái mình là chị Vũ Thị L (trú tại khu dân cư Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương) giả làm kế toán cửa hàng bán xe mô tô của S, sử dụng điện thoại của S (qua Facebook Masener) và theo hướng dẫn của S để thúc giục chị TM (bạn anh H) chuyển tiền mua xe cho S.

- **Lần 8:** Ngày 16/5/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook “Phạm Tuấn” và tài khoản Zalo “Son Vinh” đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Fx 150 (xe không có thật). Sau đó, có ông Hoàng Văn M (trú tại thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) đã xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá 11.000.000 đồng; Bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho ông M. Do tin tưởng và theo yêu cầu của S, ông M đã sử dụng tài khoản số 05101011937312 của mình mở tại ngân hàng Hàng Hải (MSB) 03 lần chuyển tổng số 6.000.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của S để đặt cọc mua xe (lần 01 chuyển 1.000.000 đồng, lần 02 chuyển 4.000.000 đồng, lần 03 chuyển 1.000.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với ông M. Số tiền này S đã chi tiêu cá nhân hết, không chia cho T.

Quá trình các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô cho ông M, bị cáo S có nhờ bạn gái mình là chị Vũ Thị L giả làm kế toán cửa hàng bán xe mô tô của S, sử dụng điện thoại của S (qua Facebook Masener) và theo hướng dẫn của S để thúc giục ông M chuyển tiền mua xe cho S.

- **Lần 9:** Ngày 16 đến 22/5/2023, bị cáo S tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook “Phạm Tuấn” đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha (xe không có thật). Sau đó, có chị Lò Den S2 (trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai) xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà S rao bán trên với giá 9.000.000 đồng. Bị cáo T tiếp tục giả làm người lái xe tải, gọi điện thông báo đang vận chuyển chiếc xe mô tô trên đến giao cho chị S2. Theo yêu cầu của S, chị S2 đã sử dụng tài khoản số 0866448692 của mình mở tại MBBank 06 lần chuyển tổng tiền 7.500.000 vào tài khoản số 863388366666 của S để mua xe (lần 01 chuyển 2.000.000 đồng, lần 02 chuyển 1.000.000 đồng, lần 03 chuyển 1.000.000 đồng, lần 04 chuyển 1.000.000 đồng, lần 05 chuyển 2.000.000 đồng, lần 06 chuyển 500.000 đồng).

Ngoài ra, bị cáo T còn lừa thông báo với chị S2 là chiếc xe mô tô chị đặt mua đã được bán cho người khác, nếu chị S2 tiếp tục muốn mua chiếc xe mô tô giống như chiếc ban đầu thì phải chuyển thêm cho T 1.000.000 đồng (giá bán không thay đổi và số tiền này sẽ trừ vào tiền mua xe). Chị S2 đồng ý và sử dụng số tài khoản trên của mình chuyển tiếp 1.000.000 đồng vào tài khoản số 31236577 mang

tên TRAN VAN TUAN mở tại Ngân hàng Á Châu (ACB) theo yêu cầu của T để mua xe (là tài khoản ngân hàng trong ứng dụng trò chơi điện tử trên mạng Internet; chưa xác định được người nào quản lý, sử dụng tài khoản này). Tổng cộng số tiền mà S và T đã chiếm đoạt của chị S2 là 8.500.000 đồng, S hưởng 7.500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết, T hưởng 1.000.000 đồng sử dụng chơi điện tử hết. Sau đó các bị cáo đã chặn mọi liên lạc với chị S2 (*hành vi lừa đảo trên của S và T đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai khởi tố và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang để điều tra*).

2. Hành vi lừa đảo của bị cáo Nguyễn Đình S

Ngoài những lần cùng bị cáo Vũ Tuấn T thực hiện hành vi lừa đảo nêu trên, từ cuối tháng 11/2022 đến ngày 04/5/2023, bị cáo Nguyễn Đình S còn một mình thực hiện hành vi lừa bán xe mô tô đã qua sử dụng (xe không có thật) cho 08 người ở tỉnh Tuyên Quang và một số tỉnh, thành phố khác, chiếm đoạt tổng số tiền là 24.150.000 đồng:

- **Lần 1:** Khoảng cuối tháng 11/2022, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook “Vũ Tuấn” đăng bài viết bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (xe không có thật). Sau đó, có anh Nguyễn Văn T3, tài khoản Facebook là “T Gucci” (trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo rao bán trên với giá thỏa thuận là 16.000.000 đồng, trả trước 8.000.000 đồng, còn lại trả góp trong 6 tháng. Theo yêu cầu của bị cáo, ngày 01/12/2022 anh T3 đã dùng tài khoản của mình số 2211120049999 mở tại MBBank chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản số 12686928888 của bị cáo mở tại TPBank để trả tiền mua xe.

Tiếp đến ngày 02/12/2022, bị cáo S gọi điện thoại cho anh T3 thông báo là chiếc xe mô tô trên đang được giao đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và lấy lý do cần thêm tiền để làm hồ sơ mua trả góp xe, sau đó sẽ chuyển trả lại tiền cho anh T3 (bị cáo vào mạng Internet lấy các hình ảnh về chiếc xe mô tô tương tự và nơi cấp biển số xe ở Trụ sở cơ quan Công an, rồi gửi vào Zalo cho anh T3). Sau khi xem các hình ảnh này, anh Thành đã tin là thật và tiếp tục sử dụng tài khoản của mình 03 lần chuyển thêm số tiền là 12.000.000 đồng vào tài khoản số 12686928888 của bị cáo (lần 01 chuyển 6.000.000 đồng, lần 02 chuyển 3.000.000 đồng, lần 03 chuyển 3.000.000 đồng). Tổng số tiền mà bị cáo S chiếm đoạt của anh T3 là 14.000.000 đồng; ngay sau đó bị cáo đã chặn mọi liên lạc với T3, rồi sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền trên (*hành vi lừa đảo trên của S bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái khởi tố và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang để điều tra*).

- **Lần 2:** Ngày 16/02/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade (xe không có thật). Sau đó, có anh Bùi Văn S3 (trú tại Xóm S, xã V, huyện K, tỉnh Hoà Bình) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo rao bán trên với giá thỏa thuận là 10.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bị cáo, anh S3 đã sử dụng tài khoản số 006205069185 của mình mở tại Agribank

chuyển 500.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của bị cáo để đặt cọc mua xe. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh S3 và chiếm đoạt số tiền trên sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- **Lần 3:** Ngày 20/02/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream (xe không có thật). Sau đó, có anh Cao Văn A (trú tại Đội 7, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo rao bán trên với giá thỏa thuận là 12.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bị cáo, anh A đã sử dụng tài khoản của mình số 0377256091 mở tại MBBank chuyển 500.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của bị cáo để đặt cọc mua xe. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh A và chiếm đoạt số tiền trên sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- **Lần 4:** Ngày 02/3/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade (xe không có thật). Sau đó, có ông Đào Quốc V2 (trú tại thôn 7B, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo rao bán trên với giá thỏa thuận là 20.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bị cáo S, ông V2 đã sử dụng tài khoản của mình số 0334273114 mở tại MBBank chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của bị cáo để đặt cọc mua xe. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với ông V2 và chiếm đoạt số tiền trên.

- **Lần 5:** Trong các ngày 20 và 21/3/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (xe không có thật). Sau đó, có anh Đinh Văn N3 (trú tại xóm K, xã S, M, Hoà Bình) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo S rao bán trên với giá thỏa thuận là 16.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bị cáo S, anh N3 đã sử dụng tài khoản của mình số 0003458799999 mở tại MBBank 02 lần chuyển số tiền 500.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của bị cáo để đặt cọc mua xe (lần 01 chuyển 300.000 đồng, lần 02 chuyển 200.000 đồng). Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh N3 và chiếm đoạt số tiền trên.

- **Lần 6:** Ngày 29/4/2023, bị cáo S sử dụng các tài khoản Facebook, Zalo (không nhớ tên tài khoản) tiếp tục đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (xe không có thật). Sau đó, có anh Lù Đức L (trú tại thôn K, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo S rao bán trên bằng hình thức trả góp. Theo yêu cầu của bị cáo, anh L đã sử dụng tài khoản của mình số 0345269457 mở tại MBBank chuyển 150.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của bị cáo S để đặt cọc mua xe. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh L và chiếm đoạt số tiền trên.

- **Lần 7:** Ngày 03/5/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook (không nhớ tên tài khoản) đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream (xe

không có thật). Sau đó, anh Nguyễn Thành T4 (trú tại thôn S, xã C, huyện L, tỉnh Hoà Bình) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo S rao bán trên với giá thỏa thuận là 8.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bị cáo, anh T4 đã sử dụng tài khoản của mình số 105871508835 mở tại Vietinbank chuyển 200.000 đồng vào tài khoản số 863388366666 của bị cáo để đặt cọc mua xe. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh T4 và chiếm đoạt số tiền trên.

- **Lần 8:** Ngày 04/5/2023, bị cáo S sử dụng tài khoản Facebook “Phạm Tuấn” đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 (xe không có thật). Sau đó, anh Hoàng Sơn B (trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo S rao bán trên với giá thỏa thuận là 19.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bị cáo, anh B đã sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 109871881167 mở tại Vietinbank 03 lần chuyển tổng số tiền là 4.300.000 đồng vào tài khoản số 12686928888 của bị cáo để đặt cọc mua xe. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với anh B và chiếm đoạt số tiền trên.

Quá trình bị cáo S thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô cho anh B, S có nhờ bạn gái mình là chị Vũ Thị L giả làm vợ của bị cáo, sử dụng điện thoại của bị cáo (qua Facebook Masener) và theo hướng dẫn của bị cáo để thúc giục anh B chuyển tiền mua xe cho bị cáo.

3. Hành vi lừa đảo của bị cáo Vũ Tuấn T

Ngoài 09 lần tham gia cùng với bị cáo Nguyễn Đình S thực hiện hành vi lừa đảo nêu trên, ngày 18/01/2023 bị cáo Vũ Tuấn T còn một mình sử dụng tài khoản Facebook tên là “Cà Văn Tuấn” đăng bài viết rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (xe không có thật). Sau đó, ông Ma Văn S4 (trú tại thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang) vào xem bài viết và liên hệ trao đổi, thống nhất mua chiếc xe mô tô mà bị cáo T rao bán trên với giá thỏa thuận là 15.000.000 đồng. Do tin tưởng và theo yêu cầu của bị cáo T, ông S4 đã sử dụng tài khoản số 0821000085250 của vợ mình là bà Ma Thị H4, mở tại ngân hàng VCB 03 lần chuyển tổng số tiền là 9.000.000 đồng vào các tài khoản ngân hàng do bị cáo T cung cấp để đặt cọc mua xe: 02 lần chuyển tổng số tiền 6.000.000 đồng (mỗi lần chuyển 3.000.000 đồng) vào tài khoản số 1031347781 mang tên HUYNH TRI HAY, mở tại VCB (chưa xác định được người nào quản lý, sử dụng tài khoản này); 01 lần chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản số 1032136737 mang tên TRAN KIM BAO, mở tại VCB (chưa xác định được người nào quản lý, sử dụng tài khoản này). Ngay sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, bị cáo đã chặn mọi liên lạc với ông S4 và sử dụng toàn bộ số tiền này để chơi điện tử trên ứng dụng mạng Internet hết.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến ngày 22/5/2023, bị cáo Nguyễn Đình S và bị cáo Vũ Tuấn T cùng nhau 09 lần thực hiện hành vi lừa đảo đăng rao bán xe mô tô đã qua sử dụng trên mạng xã hội (xe không có thật), chiếm đoạt của 09 bị hại (*Trần Minh N, Đặng Quốc V, Trần Duy T2, Lò Văn D, Đình Thị*

O, Hà Thị N2, V Gia H, Hoàng Văn M, Lò Den S2) số tiền là 53.050.000 đồng, trong đó S hưởng lợi 36.500.000 đồng, T hưởng lợi 16.550.000 đồng. Ngoài ra với thủ đoạn trên, bị cáo Nguyễn Đình S còn một mình 08 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của 08 bị hại (Nguyễn Văn T3, Bùi Văn S3, Cao Văn A, Đào Quốc V2, Đinh Văn N3, Lù Đức L, Nguyễn Thành T4, Hoàng Sơn B) số tiền là 24.150.000 đồng; bị cáo Vũ Tuấn T một mình 01 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của 01 bị hại (Ma Văn S4) số tiền là 9.000.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Đình S đã 17 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của 17 bị hại tổng số tiền 77.200.000 đồng, hưởng lợi 60.650.000 đồng; bị cáo Vũ Tuấn T đã 10 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của 10 bị hại tổng số tiền 62.050.000 đồng, hưởng lợi 25.550.000 đồng.

Về kết quả giám định

- Tại Kết luận giám định số 995/KL-KTHS ngày 29/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang đối với 02 chiếc điện thoại cùng sim lắp kèm đã tạm giữ của Nguyễn Đình S, kết luận:

+ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 7Plus: Tìm thấy 375 tin nhắn SMS đi, đến giữa số điện thoại 0338.626.134 với các số điện thoại khác; 2.604 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 6.129 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger. Tìm thấy 265 MB (277,909,133 bytes) dữ liệu âm thanh; 0,99 GB (1,073,323,678 bytes) dữ liệu hình ảnh; 3,63 GB (3,904,640,683 bytes) dữ liệu video.

+ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu NOKIA: Tìm thấy 54 tin nhắn đi, đến lưu trong SIM. Chụp được 76 ảnh màn hình hiển thị tin nhắn đi, đến lưu ở điện thoại.

- Tại Kết luận giám định số 996/KL-KTHS, ngày 18/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang đối với 02 chiếc điện thoại di động cùng sim lắp kèm đã tạm giữ của Vũ Tuấn T, kết luận:

+ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 12 ProMax: Không trích xuất được dữ liệu trong điện thoại do không có mật khẩu mở màn hình; không tìm thấy dữ liệu lưu trong SIM.

+ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Masstel 4G LTE, điện thoại bàn phím số: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn lưu trong SIM 1 và SIM 2. Chụp được 42 ảnh màn hình hiển thị tin nhắn đi, đến lưu ở điện thoại.

Bản Cáo trạng số 54/CT-VKS-P1 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đều nhất trí hoàn trả lại cho các bị hại toàn bộ khoản tiền đã chiếm đoạt của các bị hại; phần tiền mỗi bị cáo phải hoàn trả cho từng bị hại là số tiền thực tế các bị cáo đã chia cho nhau hoặc được hưởng sau khi chiếm đoạt.

Các bị hại Trần Đình N và Nguyễn Văn T3 có mặt tại phiên tòa đều xác nhận phương thức, thủ đoạn lừa đảo của các bị cáo và số tiền bị các bị cáo chiếm đoạt đúng như lời khai của các bị cáo và đều có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại khoản tiền đã bị chiếm đoạt. Về hình phạt các bị hại Trần Đình N và Nguyễn Văn T3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị hại Đặng Quốc V, Trần Duy T2, Lò Văn D, Đinh Thị O, Hà Thị N2, Vương Gia H, Hoàng Văn M, Lò Den S2, Bùi Văn S3, Đào Quốc V2, Đinh Văn N3, Lò Đức L, Hoàng S B, Ma Văn S, Nguyễn Thành T4 và Cao Văn A đều vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại đều yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đình S, Vũ Tuấn T phải hoàn lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Trong đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại V Gia H, Hoàng Sơn B, Lò Văn D xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình M2 xác định trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Đình S (em trai ông) và bị cáo Vũ Tuấn T (bạn bị cáo S) đã nhờ ông nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang một khoản tiền để trả cho các bị hại. Ông đã nộp thay cho các bị cáo 40.000.000 đồng, trong đó nộp thay cho bị cáo S 20.000.000 đồng; nộp thay cho bị cáo T 20.000.000 đồng (do người nhà bị cáo T nhờ nộp). Khoản tiền này ông và người nhà bị cáo T thống nhất cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Phản tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/5/2023); xử phạt bị cáo Vũ Tuấn T từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/5/2023). Không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T có trách nhiệm phải bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; phần tiền mỗi bị cáo phải hoàn trả cho từng bị hại là số tiền thực tế các bị cáo đã chia cho nhau hoặc được hưởng sau khi chiếm đoạt. Trong đó bị cáo Nguyễn Đình S phải có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại là 60.650.000 đồng; bị cáo Vũ Tuấn T phải hoàn trả cho các bị hại là 25.550.000 đồng. Ghi nhận các bị cáo S và T, mỗi bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000 đồng vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để bồi thường cho các bị hại.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động mà các bị cáo đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội; trả lại cho bị cáo Vũ Tuấn T chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 ProMax do bị cáo không sử dụng trong quá trình phạm tội.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện nhưng được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Tuyên Quang T giữ lại để điều tra, truy tố, xét xử, vì vậy thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt một số bị hại, người làm chứng, tuy nhiên các bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và việc vắng mặt của các bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng tới việc giải quyết xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11/2022 đến ngày 22/5/2023, bị cáo **Nguyễn Đình S** và bị cáo **Vũ Tuấn T** cùng nhau sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0974.532.723 để lập một tài khoản Facebook “Vũ Tuấn” và thay đổi tên tài khoản là “Cà Văn Tuấn”, “Phạm Tuấn”, “Tuấn Xe”..., S còn sử dụng các số thuê bao 0338.626.134, 0966.952.733 để lập tài khoản Zalo “Son Smile”, “Son Vinh”, T sử dụng số thuê bao 0962.025.255 lập tài khoản Zalo “C hùng xtaì” để lên mạng tìm kiếm, tải các hình ảnh bán xe mô tô đã qua sử dụng về đăng lên tài khoản Facebook trên, nhằm mục đích lừa bán xe mô tô (không có thật) cho những người có nhu cầu để chiếm đoạt tiền mua xe hoặc tiền đặt cọc mua xe, bằng cách sử dụng điện thoại,

zalo gọi điện, nhắn tin yêu cầu những người này chuyển khoản trả trước tiền mua hoặc đặt cọc tiền mua xe vào các tài khoản MBBank, TPBank, VCB của Nguyễn Đình S và các tài khoản trong ứng dụng trò chơi điện tử Internet. Sau khi nhận được tiền, các bị cáo chặn mọi liên lạc với những người mua xe và chiếm đoạt hết số tiền đã nhận.

Bằng phương thức, thủ đoạn trên, bị cáo S và bị cáo T đã cùng nhau thực hiện hành vi lừa bán xe mô tô cho 09 người ở tỉnh Tuyên Quang và một số tỉnh, thành phố khác để chiếm đoạt tổng số tiền là **53.050.000** đồng (bị cáo S hưởng lợi 36.500.000 đồng, bị cáo T hưởng lợi 16.550.000 đồng), cụ thể: Từ ngày 04/01/2023 đến 13/02/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Wave cho ông Trần Minh N, chiếm đoạt của ông N 7.050.000 đồng; ngày 04/01/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Dream cho ông Đặng Quốc V, chiếm đoạt của ông V 1.000.000 đồng; ngày 04 và 05/01/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda SH cho ông Trần Duy T2, chiếm đoạt của ông Thắng 2.000.000; ngày 07/4/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Yamaha Exciter 150 cho ông Lò Văn D, chiếm đoạt của ông D 3.000.000 đồng; ngày 05 và 06/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Vision cho bà Đinh Thị O, chiếm đoạt của bà O 4.000.000 đồng; ngày 10 và 11/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha cho bà Hà Thị N2, chiếm đoạt của bà N2 10.000.000 đồng; ngày 11/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Vision cho ông Vương Gia H, chiếm đoạt của ông H 11.500.000 đồng; ngày 16/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Yamaha Fx 150 cho ông Hoàng Văn M, chiếm đoạt của ông M 6.000.000 đồng; ngày 16 đến 22/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha cho bà Lò Den S2, chiếm đoạt của bà S2 8.500.000 đồng.

Ngoài ra, cũng với phương thức, thủ đoạn trên đây, bị cáo Nguyễn Đình S còn tự một mình thực hiện hành vi lừa bán xe mô tô cho 08 người ở tỉnh Tuyên Quang và một số tỉnh, thành phố khác để chiếm đoạt tổng số tiền là **24.150.000** đồng; bị cáo Vũ Tuấn T còn tự một mình thực hiện hành vi lừa bán xe mô tô cho 01 người ở tỉnh Tuyên Quang, chiếm đoạt số tiền **9.000.000** đồng, cụ thể:

Từ cuối tháng 11/2022 đến ngày 04/5/2023, bị cáo Nguyễn Đình S một mình thực hiện hành vi lừa bán xe mô tô đã qua sử dụng (xe không có thật) cho 08 người ở tỉnh Tuyên Quang và một số tỉnh, thành phố khác: Ngày 01 và 02/12/2022, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Vison cho ông Nguyễn Văn T3, chiếm đoạt 14.000.000 đồng; ngày 16/02/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Airblade cho ông Bùi Văn S3, chiếm đoạt 500.000 đồng; ngày 20/02/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Dream cho ông Cao Văn A, chiếm đoạt 500.000 đồng; ngày 02/3/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Airblade cho ông Đào Quốc V2, chiếm đoạt 4.000.000 đồng; ngày 20 và 21/3/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Wave cho ông Đinh Văn N3, chiếm đoạt 500.000 đồng; ngày 29/4/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Wave cho ông Lù Đức L, chiếm đoạt 150.000 đồng; ngày 03/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Honda Dream cho ông Nguyễn Thành T4, chiếm đoạt 200.000 đồng; ngày 04/5/2023, lừa bán chiếc xe mô tô Yamaha Exciter 150 cho ông Hoàng Sơn B, chiếm đoạt 4.300.000 đồng.

Ngày 18/01/2023, bị cáo Vũ Tuấn T lừa bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (xe không có thật) cho ông Ma Văn S4 và chiếm đoạt của ông S4 9.000.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Đình S đã thực hiện hành vi lừa đảo 17 bị hại (cùng bị cáo T lừa 09 bị hại và một mình lừa 08 bị hại), chiếm đoạt tổng số tiền là 77.200.000 đồng, hưởng lợi 60.650.000 đồng; bị cáo Vũ Tuấn T đã thực hiện hành vi lừa đảo 10 bị hại (cùng bị cáo S lừa 09 bị hại và một mình lừa 01 bị hại), chiếm đoạt tổng số tiền là 62.050.000 đồng, hưởng lợi 25.550.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đã nhiều lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người bằng thủ đoạn gian dối; tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trên 50.000.000 đồng; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, cần chấp nhận..

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Đình S, Vũ Tuấn T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần và của nhiều người nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đình S, Vũ Tuấn T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường một phần số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cáo bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Đình S có anh trai ruột là ông Nguyễn Đình M2 được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng Nhất và Hạng Ba là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét thêm cho bị cáo.

[4] Về mức án đối với các bị cáo:

Các bị cáo đã có hành vi gian dối, nhiều lần chiếm đoạt của nhiều bị hại với số tiền lớn, vì vậy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đình S là người rủ rê bị cáo Vũ Tuấn T cùng thực hiện hành vi phạm tội và ngoài các lần cùng bị cáo T phạm tội còn một mình nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản đối với một số bị hại khác, do vậy cần áp dụng mức hình phạt cao hơn.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Trước khi xét xử bị cáo Nguyễn Đình S đang phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 71/2023/HS-ST, ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương, tuy nhiên bản án số 10/2024/HS-ST, ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã thực hiện việc tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự và hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Do vậy việc tổng hợp hình phạt của bản án số 71/2023/HS-ST, ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương sẽ được thực hiện theo sau khi bản án số 10/2024/HS-ST, ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và bản án này có hiệu lực pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra; trong đơn xin xét xử vắng mặt và trong lời khai của các bị hại có mặt tại phiên tòa, các bị hại Trần Minh N, Đặng Quốc V, Trần Duy T2, Lò Văn D, Đinh Thị O, Hà Thị N2, Vương Gia H, Hoàng Văn M, Lò Den S2, Nguyễn Văn T3, Bùi Văn S3, Đào Quốc V2, Đinh Văn N3, Lò Đức L, Hoàng Sơn B, Ma Văn S4, Nguyễn Thành T4 và Cao Văn A đều yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đình S, Vũ Tuấn T phải hoàn lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Các bị cáo đều nhất trí hoàn trả cho từng bị hại khoản tiền đã chiếm đoạt tương ứng với số tiền thực tế các bị cáo đã được chia hoặc chiếm đoạt được của các bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T có trách nhiệm phải liên đới hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại như sau:

- Bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Minh N số tiền 7.050.000 đồng (bị cáo S 6.200.000 đồng, bị cáo T 850.000 đồng); cho ông Đặng Quốc V 1.000.000 đồng (bị cáo S 500.000 đồng, bị cáo T 500.000 đồng); cho ông Trần Duy T2 2.000.000 đồng (bị cáo S 1.000.000 đồng, bị cáo T 1.000.000 đồng); cho ông Lò Văn D 3.000.000 đồng (bị cáo S 1.500.000 đồng, bị cáo T 1.500.000 đồng); cho bà Đinh Thị O 4.000.000 đồng (bị cáo S 2.500.000 đồng, bị cáo T 1.500.000 đồng); cho bà Hà Thị N2 10.000.000 đồng (bị cáo S 5.000.000 đồng, bị cáo T 5.000.000 đồng); cho anh Vương Gia H 11.500.000 đồng (bị cáo S 6.300.000 đồng, bị cáo T 5.200.000 đồng); cho ông Hoàng Văn M 6.000.000 đồng (bị cáo S 6.000.000 đồng); cho bà Lò Den S2 8.500.000 đồng (bị cáo S 7.500.000 đồng, bị cáo T 1.000.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại nói trên là 53.050.000 đồng. Trong đó phần bị cáo Nguyễn Đình S phải chịu là 36.500.000 đồng; phần bị cáo Vũ Tuấn T phải chịu là 16.550.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Đình S có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T3 số tiền 14.000.000 đồng; cho ông Bùi Văn S3 500.000 đồng; cho ông Đào Quốc V2 4.000.000 đồng; cho ông Cao Văn A 500.000 đồng; cho ông Đinh Văn N3 500.000

đồng; cho ông Lù Đức L 150.000 đồng; cho ông Nguyễn Thành T4 200.000 đồng ; cho ông Hoàng Sơn B 4.300.000 đồng. Tổng cộng là 24.150.000 đồng.

- Bị cáo Vũ Tuấn T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Ma Văn S4 số tiền là 9.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đình S có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại là 60.650.000 đồng; bị cáo Vũ Tuấn T có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại là 25.550.000 đồng.

Do trước khi mở phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình S và bị cáo Vũ Tuấn T đã tác động gia đình nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang một khoản tiền để hoàn trả cho các bị hại, trong đó bị cáo Nguyễn Đình S nộp 20.000.000 đồng; bị cáo Vũ Tuấn T nộp 20.000.000 đồng, do vậy cần khấu trừ cho các bị cáo khoản tiền này.

Anh Nguyễn Đình M2 (anh trai bị cáo Nguyễn Đình S) đã nộp thay cho bị cáo Nguyễn Đình S và bị cáo Vũ Tuấn T mỗi bị cáo 20.000.000 đồng; tổng cộng là 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Mạnh không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã nộp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình S 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7Plus và 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA; thu giữ của bị cáo Vũ Tuấn T 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 ProMax và 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel 4G LTE. Căn cứ vào các tài liệu giám định và qua lời khai của các bị cáo xác định được có 03 chiếc điện thoại di động được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (bị cáo S 02 chiếc, bị cáo T 01 chiếc) nên cần Tịch thu sung quỹ Nhà nước. Riêng chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 ProMax thu giữ của bị cáo Vũ Tuấn T, do bị cáo T không sử dụng trong quá trình phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T.

[7] Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã có Quyết định số 05 ngày 20/10/2023 về tách vụ án để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý theo quy định đối với những hành vi sau:

+ Hành vi của Vũ Thị L, là bạn gái của bị cáo Nguyễn Đình S. Quá trình điều tra xác định Thủy nhiều lần giúp S giao dịch với 03 bị hại (đóng giả làm kế toán cửa hàng bán xe mô tô và vợ của S). Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của L.

+ Hình thức chơi trò chơi điện tử trực tuyến trên trang ứng dụng mạng 33win00.com của Nguyễn Đình S và những người liên quan, có dấu hiệu về hành vi đánh bạc. Hiện chưa làm rõ được.

+ Hành vi của các cá nhân quản lý, sử dụng các tài khoản ngân hàng số 1025468831 mang tên NGUYEN DINH LAM; số 19039205921014 mang tên NGUYEN YEN LOAN; số 106876778242 mang tên TA VO TRUC LAM; số 1031347781, mang tên HUYNH TRI HAY; số 1032136737 mang tên TRAN KIM BAO; số 31236577, mang tên TRAN VAN TUAN. Hiện chưa làm rõ được.

+ Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình S, Vũ Tuấn T đối với các trường hợp chưa rõ thông tin bị hại. Hiện chưa xác định, làm rõ được.

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh có các Quyết định số 02, số 03, số 04 cùng ngày 20/10/2023 về tách hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình S và tài liệu liên quan, chuyển đến Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:

+ Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người sử dụng tài khoản số 8912205117731 mở tại Agribank, chủ tài khoản mang tên Lò Văn Thân.

+ Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người sử dụng tài khoản số 1026450149 mở tại VCB, chủ tài khoản mang tên HOANG VAN DUONG.

+ Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người sử dụng tài khoản số 0357941595, mở tại Agribank, chủ tài khoản mang tên LUONG VAN NGHIEM.

+ Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người sử dụng tài khoản số 0352633795, mở tại MB, chủ tài khoản mang tên TONG THI MAI.

Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/5/2023).

- Xử phạt bị cáo Vũ Tuấn T **02** (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/5/2023).

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 122, 127, 131, 357, 407, 468 Bộ luật Dân sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại như sau:

+ Hoàn trả cho ông Trần Minh N 7.050.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 6.200.000 đồng, bị cáo T phải chịu 850.000 đồng);

+ Hoàn trả cho ông Đặng Quốc V 1.000.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 500.000 đồng, bị cáo T phải chịu 500.000 đồng);

+ Hoàn trả cho ông Trần Duy T2 2.000.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 1.000.000 đồng, bị cáo T phải chịu 1.000.000 đồng);

+ Hoàn trả ông Lò Văn D 3.000.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 1.500.000 đồng, bị cáo T phải chịu 1.500.000 đồng);

+ Hoàn trả cho bà Đinh Thị O 4.000.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 2.500.000 đồng, bị cáo T phải chịu 1.500.000 đồng);

+ Hoàn trả cho bà Hà Thị N2 10.000.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 5.000.000 đồng, bị cáo T phải chịu 5.000.000 đồng);

+ Hoàn trả cho anh Vương Gia H 11.500.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 6.300.000 đồng, bị cáo T phải chịu 5.200.000 đồng);

+ Hoàn trả cho ông Hoàng Văn M 6.000.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 6.000.000 đồng);

+ Hoàn trả cho bà Lò Den S2 8.500.000 đồng (trong đó bị cáo S phải chịu 7.500.000 đồng, bị cáo T phải chịu 1.000.000 đồng).

Tổng số tiền các bị cáo phải liên đới hoàn trả cho các bị hại trên là 53.050.000 đồng (*Năm mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó bị cáo Nguyễn Đình S phải chịu 36.500.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Vũ Tuấn T phải chịu 16.550.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình S có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T3 số tiền 14.000.000 đồng; cho ông Bùi Văn S3 500.000 đồng; cho ông Đào Quốc V2 4.000.000 đồng; cho ông Cao Văn A 500.000 đồng; cho ông Đinh Văn N3 500.000 đồng; cho ông Lù Đức L 150.000 đồng; cho ông Nguyễn Thành T4 200.000 đồng; cho ông Hoàng Sơn B 4.300.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đình S phải hoàn trả cho các bị hại trên là 24.150.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Tuấn T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Ma Văn S số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng chẵn*).

Tổng số tiền bị cáo **Nguyễn Đình S** phải có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại là **60.650.000 đồng** (*Sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai Ký hiệu BLTT/23, số 0000103 ngày 22/11/2023. Số tiền bị cáo Nguyễn Đình S còn phải hoàn trả cho các bị hại là **40.650.000 đồng** (*Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*);

Tổng số tiền bị cáo **Vũ Tuấn T** phải hoàn trả cho các bị hại là **25.550.000 đồng** (*Hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai Ký hiệu BLTT/23, số 0000104, ngày 22/11/2023. Số tiền bị cáo Vũ Tuấn T còn phải hoàn trả cho các bị hại là **5.550.000 đồng** (*Năm triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Khoản tiền phải thi hành án, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình S **01 (Một)** Điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 7Plus, vỏ màu đen, số IMEI: 359173072528286, bên trong có lắp một SIM có dãy số 8984048000902719806 và **01 (Một)** Điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 357332562066031, số IMEI 2: 357332562566030, bên trong có lắp 01 SIM có dãy số 8984048000904754286 được đựng trong **01 (Một)** Bì niêm phong, ngoài bì ghi “Vụ 995/2023”, cùng thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang, để sung quỹ Nhà nước;

- Tịch thu của bị cáo Vũ Tuấn T **01 (Một)** Điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Masstel 4G LTE, điện thoại bàn phím số, số IMEI 1: 358044846439889 và IMEI 2: 358044846439897, trong điện thoại lắp 02 SIM, Sim 1 có dãy số 8980408000909602040, SIM 2 có dãy số 8984048000901699931 được đựng trong **01 (Một)** Bì niêm phong, ngoài bì ghi “Vụ 996/2023”, cùng thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang để sung quỹ Nhà nước;

- Trả lại cho bị cáo Vũ Tuấn T **01 (Một)** Điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, vỏ màu xanh, bị khóa màn hình, bên trong có lắp 01 (một) SIM có dãy số 8984048008810332143 được đựng trong **01 (Một)** Bì niêm phong, ngoài bì ghi “Vụ 996/2023”, cùng thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 21/11/2023).

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Nguyễn Đình S** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.032.500 đồng (*Hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng là **2.232.500 đồng** (*Hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Bị cáo **Vũ Tuấn T** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng là **500.000 đồng** (*Năm trăm nghìn đồng*).

5. Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/01/2024; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Vinh